

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 401/2024/HS-ST
Ngày: 05-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 338/2024/TLST-HS ngày 11/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2024/QĐXXST-HS ngày 02/7/2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 875/TB-TA ngày 17/7/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 tại Bắc Giang. Nơi cư trú: tổ C, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1962 và bà Giáp Thị N, sinh năm 1964; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em; bị cáo có vợ là Phạm Thị Đ, sinh năm 1992, có 01 (Một) con sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/12/2023, sau đó chuyển tạm giam theo Lệnh số 153/LTG-CSĐT ngày 05/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Anh Lê Đình H, sinh năm 1990. Địa chỉ: B, tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/5/2018, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Việt K, Lê Văn P, Nguyễn Việt C, Nguyễn Hồng D và Đỗ Văn Q2 tổ chức ăn uống tại quán “Bông Lúa” thuộc khu phố C, phường T, thành phố B. Cùng lúc này có các anh Lê Lưu Đình T (sinh ngày 26/5/2000, ngụ tại I, T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai), Lê Đình H (anh trai T- sinh năm 1990, ngụ tại đội C, thôn B, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định), Nguyễn Tuấn L, Đoàn Thế T1 và anh Nguyễn Thành Q3 tổ chức sinh nhật cho anh T tại bàn bên cạnh. Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, anh T đi vào nhà vệ sinh và ói trúng vào chân của Lê Văn P. P quay lại bàn nhậu kể cho Q, K, C, D, Q2 biết sự việc T ói vào chân. Sau đó, Q và P đi sang bàn của anh Lê Lưu Đình T. Q dùng tay kéo anh T ra phía trước quán và dùng tay đánh anh T. Thấy vậy, D, K, Q2, C cũng rời bàn nhậu chạy theo Q và P. D chạy đến từ phía sau dùng tay đánh anh T. Anh H và anh L thấy anh T bị đánh nên chạy ra can ngăn thì bị C dùng vỏ chai bia đánh vào người anh L bị xây xát nhẹ. Kỳ từ phía sau dùng tay kẹp cổ anh H kéo ngã xuống đất. Lúc này, Q hô “Đánh nó đi” thì D, P, C, Q2, K và Q cùng nhau xông vào đánh anh H, anh T và anh L. Anh H bị D dùng ghế nhựa và dùng tay, P dùng 01 thanh gỗ kích thước 82cm x 20cm x 02cm, K, C, Q2 dùng tay tiếp tục đánh trúng vào người anh H, Q dùng gạch, đá đánh trúng vào vùng trán và đỉnh đầu của anh H gây thương tích. Anh T và anh L thì bị đánh xây xát nhẹ và cả hai bỏ chạy thoát. Sau đó, Q, K, P, C, D, Q2 bỏ đi, còn anh Lê Đình H và Lê Lưu Đình T được các anh L, T1, Q3 đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Sau khi gây án, Lê Văn P, Nguyễn Việt C, Nguyễn Hồng D, Đỗ Văn Q2, Nguyễn Việt K ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên. Ngày 17/10/2019 và ngày 01/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử: Lê Văn P, Nguyễn Việt C, Nguyễn Hồng D, Đỗ Văn Q2, Nguyễn Việt K về tội “Cố ý gây thương tích”.

Riêng Nguyễn Văn Q bỏ trốn và bị truy nã. Đến ngày 27/12/2023, Nguyễn Văn Q bị Công an phường T, thành phố B bắt giữ và giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Vật chứng gồm:

- 01 cục gạch loại 04 lỗ dài 16cm (đã vỡ)
- 01 cục bê tông dài 21cm, rộng khoảng 12cm.
- 01 cục bê tông dài 16cm, rộng khoảng 07cm.
- 01 thanh gỗ kích thước 82cm x 20cm x 02cm bị vỡ hai đầu.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0474/GĐPY/2018 ngày 20/6/2018 của Giám định viên Trung tâm pháp y thuộc Sở Y, kết luận anh Lê Đình H bị thương tích như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tồn thương dập não trán trái kích thước 1,5 x 0,1 cm (Áp dụng Chương 2, Điều III, mục 1). Tỷ lệ 31%.

- Tổn thương xuất huyết dưới nhện 02 bán cầu đã điều trị kết quả tốt (Áp dụng Chương 2, Điều III, mục 8). Tỷ lệ 16%.

- Tổn thương máu tụ ngoài màng cứng thái dương phải đã điều trị hiện ổn (Áp dụng Chương 2, điều III, mục 6). Tỷ lệ 21%.

- Tổn thương máu tụ dưới màng cứng hai bán cầu đã điều trị, hiện vẫn còn máu tụ dưới màng cứng lớp mỏng ở đỉnh chẩm trái (Áp dụng Chương 2, điều III, mục 7). Tỷ lệ 26%.

- Tổn thương nứt sọ thái dương – đỉnh trái kích thước 05cm, diện não đồ bình thường (Áp dụng Chương 2, điều I, mục 2.2). Tỷ lệ 11%.

- Vết thương trán giữa để lại sẹo kích thước 03 x 03cm, xơ dính, đổi màu, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 9, điều II, mục 1). Tỷ lệ 06%.

- Vết thương đỉnh giữa để lại sẹo kích thước 2,5 x 0,3cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 72% (Bảy mươi hai phần trăm).

Vật gây thương tích: vật tày.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0599/GĐPY/2018 ngày 01/8/2018 của Giám định viên Trung tâm pháp y thuộc Sở Y, kết luận anh Lê Lưu Đình T bị thương tích như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương đỉnh đầu để lại sẹo kích thước 01 x 0,3cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm).

Vật gây thương tích: Vật tày.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Lê Văn H1 (bố của Lê Văn P) đại diện cho P, Q, K, C, D, Q2 đã bồi thường tiền điều trị thương tích và các khoản chi phí khác cho anh Lê Đình H là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Anh H đã viết đơn bãi nại cho P, Q, C, D, Q2 và K.

- Anh Lê Lưu Đình T bị thương tích 01%, anh T đã làm đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

* Tại bản Cáo trạng số 327/CT-VKSBH ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Nguyễn Văn Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận hành vi cố ý gây thương tích đúng như nội dung Cáo trạng đã thể hiện, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại anh Lê Đình H đã được các bị cáo bồi thường 170.000.000đ chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác. Anh H không có yêu cầu gì thêm, đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, i khoản 1 và điểm d, khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ 05 (Năm) năm đến 06 (Sáu) năm tù.

Vật chứng và trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo: Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 26/5/2018, tại quán “B”, thuộc khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Viết K, Lê Văn P, Nguyễn Viết C, Nguyễn Hồng D, Đỗ Văn Q2 có hành vi vô cớ dùng gạch, đá, thanh gỗ và tay chân đánh anh Lê Đình H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 72%.

Ngày 17/10/2019 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã đưa ra xét xử với: Lê Văn P, Nguyễn Viết C, Nguyễn Hồng D, Đỗ Văn Q2 về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 484/2019/HS-ST ngày 17/10/2019. Ngày 01/11/2022 Tòa án nhân dân thành phố B đã đưa ra xét xử với: Nguyễn Viết K về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 487/2022/HS-ST ngày 01/11/2022.

Ngày 27/12/2023 **Nguyễn Văn Q bị bắt. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q khai nhận hành vi phạm tội như trên.**

Hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 327/CT-VKSBH ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là có cơ sở, đúng người và đúng tội.

[3]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp là đồng phạm trong vụ án có tính chất giản đơn. Mâu thuẫn dẫn đến sự việc không phải từ bị cáo nhưng bị cáo là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự xã hội, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Lê Đình H đã được các bị cáo bồi thường 170.000.000đ chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác. Tại phiên tòa anh H không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo Q và đã làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đã được giải quyết tại Bản án số 484/2019/HS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ điểm a, i khoản 1 và điểm d khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q: **05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 27/12/2023.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. B;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an thành phố B;
- Ủy ban nhân dân phường (xã) của bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công